

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST

Ngày 14-3-2025

V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tuấn Chiến

Ông Vũ Quang Yên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa:
Ông Lê Đức Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2024/TLST-HNGĐ ngày 20/12/2024 về việc: “*Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/02/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nông Thị N**, sinh năm 1984

Nơi ĐKKHKT: Khu A, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Khu C, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh **Vũ Văn B (Nguyễn Văn Q)**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu A, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh B vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Nông Thị N trình bày nội dung và yêu cầu khởi kiện của mình như sau:

Chị v à anh Vũ Văn B (Nguyễn Văn Q) kết hôn với nhau vào ngày 12/11/2003 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở riêng tại khu A, xã P. Quá trình chung sống, vợ chồng chị hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh B thường hay uống rượu và chửi bới, đánh đập chị. Mặc dù chị đã tha thứ

nhiều lần nhưng anh B vẫn không chịu thay đổi. Từ tháng 04/2024, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở khu C, xã P, huyện Đ. Sau đó, chị đã thuê nhà ở khu C, xã P, huyện Đ để ở. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn anh Vũ Văn B (Nguyễn Văn Q).

Chị và anh Vũ Văn B (Nguyễn Văn Q) có 02 con chung là Nông Thị Hoài M, sinh ngày 15/7/2004 và Nông Nguyễn Đức M1, sinh ngày 30/6/2010. Cháu M đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu M1 đang ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu M1 và không yêu cầu anh Vũ Văn B (Nguyễn Văn Q) phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hiện chị đang làm lao động tự do ở địa phương, thu nhập trung bình khoảng 8.000.000 đồng/1 tháng. Chị đang thuê nhà ở khu C, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Chị có chỗ ở, thu nhập ổn định nên chị đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Quá trình giải quyết và xét xử vụ án, bị đơn là anh Vũ Văn B (Nguyễn Văn Q) đã được Tòa án thông báo, triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai của anh Vũ Văn B (Nguyễn Văn Q) và không tiến hành hòa giải được vụ án. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Đinh Thị N1 (là mẹ đẻ của anh B), bà N1 xác nhận việc kết hôn và quá trình chung sống giữa chị N và anh B đúng như chị N trình bày. Quá trình chung sống, chị Nông Thị N và anh Vũ Văn B (Nguyễn Văn Q) có xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau và xô sát đánh nhau vài lần nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 04/2024 đến nay. Về con chung thì chị N và anh Vũ Văn B (Nguyễn Văn Q) có 02 con chung là Nông Thị Hoài M, sinh ngày 15/7/2004 và Nông Nguyễn Đức M1, sinh ngày 30/6/2010. Hiện các cháu đang ở cùng chị N. Đến nay, chị N làm đơn ly hôn anh Vũ Văn B (Nguyễn Văn Q), bà mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, cùng chăm sóc, nuôi dạy con chung.

3. Tòa án xác minh tại nơi cư trú của chị Nông Thị N và anh Vũ Văn B (Nguyễn Văn Q), nội dung xác minh thể hiện như sau:

Chị Nông Thị N và anh Vũ Văn B (Nguyễn Văn Q) kết hôn với nhau vào ngày 12/11/2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, hai bên ở riêng tại khu A, xã P. Quá trình chung sống, chị N và anh Vũ Văn B (Nguyễn Văn Q) có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, xảy ra xô sát đánh nhau dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Từ tháng 4/2024, chị N và các con chung đã về nhà bố mẹ đẻ ở khu C, xã P, huyện Đ để ở. Nay chị N xin ly hôn anh Vũ Văn B (Nguyễn Văn Q), quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, thực tế hiện nay vợ chồng đang sống ly thân. Chị N và anh Vũ Văn B (Nguyễn Văn Q) có 02 con chung là Nông Thị Hoài M, sinh ngày 15/7/2004 và Nông Nguyễn Đức M1, sinh ngày 30/6/2010. Cháu M đã thành niên, còn cháu M1 đang ở cùng chị N ở khu C, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp: vợ chồng chị Nông Thị N và anh Vũ Văn B (Nguyễn Văn Q) có hay

không thì địa phương không nắm được.

4. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị N, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Nông Thị G được ly hôn anh Vũ Văn B (Nguyễn Văn Q).

- Về con chung:

+ Con chung Nông Thị Hoài M, sinh ngày 15/7/2004 đã thành niên nên không phải giải quyết.

+ Giao cho chị Nông Thị N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nông Nguyễn Đức M1, sinh ngày 30/6/2010.

Anh Vũ Văn B (Nguyễn Văn Q) không ai phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị N.

Anh Vũ Văn B (Nguyễn Văn Q) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức đóng góp: Chị Nông Thị N không đề nghị nên không phải giải quyết.

- Về án phí: Chị Nông Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng dân sự:

Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và nơi cư trú của bị đơn là tại xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định

tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nông Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N.

Bị đơn anh Vũ Văn B (Nguyễn Văn Q) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc và vắng mặt phiên tòa lần 2 không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 208, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và xét xử vắng mặt anh Vũ Văn B (Nguyễn Văn Q) là phù hợp.

[2] Về yêu cầu, ý kiến của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị N và anh Vũ Văn B (Nguyễn Văn Q) đăng ký kết hôn ngày 12/11/2003 tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc. Như vậy, hôn nhân giữa chị Nông Thị N và anh Vũ Văn B (Nguyễn Văn Q) đảm bảo các điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của chị N và chứng cứ thu thập được cho thấy trong quá trình chung sống, chị N và anh Vũ Văn B (Nguyễn Văn Q) thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng về quan điểm sống, xảy ra cãi vã, xô sát. Tòa án xác minh tại nơi cư trú của bị đơn thì tình trạng hôn nhân giữa chị Nông Thị N và anh Vũ Văn B (Nguyễn Văn Q) không được hạnh phúc, hiện nay đang sống ly thân. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Nông Thị N và anh Vũ Văn B (Nguyễn Văn Q) mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N về việc xin ly hôn anh Vũ Văn B (Nguyễn Văn Q) là có căn cứ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N nên xử cho chị N được ly hôn anh Vũ Văn B (Nguyễn Văn Q).

[2.2] Về con chung: Chị Nông Thị N và anh Vũ Văn B (Nguyễn Văn Q) có 02 con chung là Nông Thị Hoài M, sinh ngày 15/7/2004 và Nông Nguyễn Đức M1, sinh ngày 30/6/2010. Cháu M đã thành niên nên không phải giải quyết. Cháu M1 đang ở cùng chị N ở khu C, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đức M1. Thực tế hiện nay, con chung đang ở ổn định cùng chị N. Lời trình bày của chị N và chứng cứ thu thập được cho thấy, chị N có chỗ ở, thu nhập ổn định. Bên cạnh đó, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu M1 được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung, tránh sáo trộn cuộc sống ổn định của con chung, cần giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu M1 là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N không yêu cầu anh Vũ Văn B (Nguyễn Văn Q) cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp: Chị N không đề nghị nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[2.4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị N được ly hôn anh Vũ Văn B (Nguyễn Văn Q).

2. Về con chung:

- Con chung Nông Thị Hoài M sinh năm 2004 đã thành niên nên không phải giải quyết.

- Giao cho chị Nông Thị N được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nông Nguyễn Đức M1, sinh ngày 30/6/2010.

Anh Vũ Văn B (Nguyễn Văn Q) không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị N.

Anh Vũ Văn B (Nguyễn Văn Q) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp: Không phải giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nông Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai số 0002417 ngày 16/12/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Chị N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đoan Hùng;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục Thi hành án DS;
- UBND xã Phúc Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Yến